

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 13/5/2020

| Thống kê thị trường | | HOSE | HNX |
|---------------------|--|-------------|-------------|
| Index | | 834.21 | 111.86 |
| % Thay đổi | | ↓ -0.13% | ↑ 0.07% |
| KLGD (CP) | | 364,614,711 | 70,047,045 |
| GTGD (tỷ đồng) | | 6,097.85 | 672.52 |
| Tổng cung (CP) | | 893,914,970 | 98,328,400 |
| Tổng cầu (CP) | | 872,402,160 | 110,023,100 |

| Giao dịch NĐTNN | | HOSE | HNX |
|-------------------|--|------------|-----------|
| KL bán (CP) | | 22,517,756 | 5,584,215 |
| KL mua (CP) | | 23,989,455 | 73,486 |
| GTmua (tỷ đồng) | | 796.62 | 1.02 |
| GT bán (tỷ đồng) | | 721.42 | 18.44 |
| GT ròng (tỷ đồng) | | 75.20 | (17.42) |

| Tương quan cung cầu | | HOSE |
|---------------------|--|------|
| | | |

| Giá trị Giao dịch NĐTNN | | HOSE |
|-------------------------|--|------|
| | | |

| Nhà Đầu tư | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 5.09% | 11.8 | 1.9 | 6.6% |
| Công nghiệp | ↑ 0.53% | 11.0 | 2.1 | 10.2% |
| Dầu khí | ↑ 0.39% | 51.0 | 1.7 | 5.0% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↑ 0.48% | 29.9 | 3.7 | 6.4% |
| Dược phẩm và Y tế | ↓ -0.36% | 12.2 | 2.2 | 0.9% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -0.19% | 14.4 | 4.0 | 13.8% |
| Ngân hàng | ↑ 0.84% | 8.8 | 2.0 | 20.2% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 1.53% | 13.5 | 1.5 | 14.4% |
| Tài chính | ↓ -1.58% | 14.3 | 2.4 | 18.5% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↓ -0.70% | 11.8 | 2.0 | 4.0% |
| VN - Index | ↓ -0.13% | 13.6 | 2.6 | 118.5% |
| HNX - Index | ↑ 0.07% | 9.7 | 1.3 | -18.5% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm nhẹ trở lại sau sáu phiên hồi phục liên tiếp với thanh khoản tiếp tục gia tăng. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 1,11 điểm (-0,13%) xuống 834,21 điểm; HNX-Index tăng 0,08 điểm (+0,07%) lên 111,86 điểm. Thanh khoản trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 7.423 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 445 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.207 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 349 mã tăng, 121 mã tham chiếu, 234 mã giảm. Thị trường giảm điểm trong gần như toàn bộ phiên giao dịch hôm nay khi mà bên bán đã chiếm thế chủ động ngay từ đầu phiên để khiến chỉ số VN-Index chìm trong sắc đỏ, rất may là lực cầu trong phiên chiều đã giúp thị trường không giảm mạnh. Nhóm cổ phiếu trụ cột có sự phân hóa mạnh trong phiên hôm nay với bên tăng là các mã như BID (+2,7%), FPT (+6,2%), HVN (+3,7%), HPG (+1,9%), HDB (+4,4%), BVH (+1,4%)... và bên giảm là các mã như VIC (-2,1%), VHM (-2,9%), GAS (-1,1%), VJC (-2,1%)... Trên sàn HNX, các trụ cột như VIF (+2,9%), CEO (+8,5%), VCS (+1,5%)... đều tăng giúp chỉ số HNX-Index hồi phục trong phiên thứ sáu liên tiếp.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index đứt chuỗi sáu phiên hồi phục liên tiếp với việc điều chỉnh trong phiên hôm nay với thanh khoản có sự gia tăng. Áp lực bán quanh ngưỡng kháng cự 840 điểm (fibonacci retracement 50%) trong phiên chiều đã khiến đà hồi phục không được duy trì đến phiên thứ bảy. Điểm tích cực là việc khối ngoại mua ròng phiên thứ hai liên tiếp với giá trị khoảng gần 50 tỷ đồng trên hai sàn. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 kỳ hạn tháng 5 tăng mạnh hơn so với chỉ số cơ sở VN30, qua đó thu hẹp mức basis âm xuống còn 13,39 điểm, cho thấy tâm lý nhà đầu tư trên thị trường phái sinh vẫn nghiêng về khả năng tiếp tục giảm. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 14/5, VN-Index có thể sẽ tiếp tục rung lắc khi tiến đến ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 840 điểm (fibonacci retracement 50%). Nhà đầu tư nếu đang có tỷ trọng cổ phiếu cao nên tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường và có thể tận dụng những nhịp tăng lên gần ngưỡng kháng cự quanh 840 điểm (fibonacci retracement 50%) để giảm tỷ trọng cổ phiếu. Đối với những nhà đầu tư đang có tỷ trọng tiền mặt lớn nên tạm thời đứng ngoài và chỉ nên tham gia trở lại nếu thị trường có nhịp chỉnh về quanh vùng hỗ trợ trong khoảng 790-800 điểm (fibonacci retracement 38,2%).

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 13/5/2020

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên giao dịch hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 815,13 điểm. Về chiều, chỉ số có một nhịp hồi phục ngắn lên trên ngưỡng tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 839,59 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 1,11 điểm (-0,13%) xuống 834,21 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 2.000 đồng, VHM giảm 2.100 đồng, GAS giảm 800 đồng. Ở chiều ngược lại, BID tăng 1.050 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong gần như toàn bộ phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 110,623 điểm. Từ khoảng 11h trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 112,299 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,08 điểm (+0,07%) lên 111,86 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: VIF tăng 500 đồng, CEO tăng 600 đồng, VCS tăng 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, ACB giảm 100 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 74,91 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,2 triệu cổ phiếu. VNM là mã được mua ròng nhiều nhất với 102,1 tỷ đồng tương ứng với 900 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VCB với 80,6 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VIC là mã bị bán ròng nhiều nhất với 123,3 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 17,47 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,5 triệu cổ phiếu. HUT là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,7 tỷ đồng tương ứng với 4,7 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 3,2 tỷ đồng tương ứng với 354 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SLS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 176 triệu đồng tương ứng với 3,5 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

Thủ tướng: Không tăng sức giá xăng, chưa tăng giá điện trong năm 2020

Thủ tướng yêu cầu theo dõi sát diễn biến giá xăng dầu thế giới, đồng thời kết hợp công cụ Quỹ bình ổn giá xăng dầu để điều hành giá ổn định hoặc không tăng giá đột biến. Đồng thời, không tăng giá điện trong năm 2020.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh sau sáu phiên tăng điểm liên tiếp và chỉ số hiện kết phiên khá gần ngưỡng 840 điểm (fibonacci retracement 50%), khối lượng khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với 339 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 790 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 770 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 920 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 14/5, VN-Index có thể sẽ tiếp tục rung lắc khi tiến đến ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 840 điểm (fibonacci retracement 50%).

HNX-Index:



HNX-Index tăng điểm trong phiên thứ sáu liên tiếp và chỉ số tiếp tục kết phiên trên ngưỡng tâm lý 110 điểm, khối lượng khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với 61 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 108 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 105 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 104 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 14/5, HNX-Index có thể sẽ tiếp tục rung lắc khi tiến đến ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 105 điểm (fibonacci retracement 100%).



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang

Tại thời điểm 16 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 48,03 - 48,23 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 230.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 70.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm giảm 1 đồng

Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.244 VND/USD (giảm 1 đồng so với hôm qua).

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới giảm

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 1 USD/ounce tương ứng với 0,06% xuống 1.705,8 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,076 điểm tương ứng 0,08% lên 100,032 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,0840 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,2283 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 107,03 JPY.

Giá dầu thế giới giảm

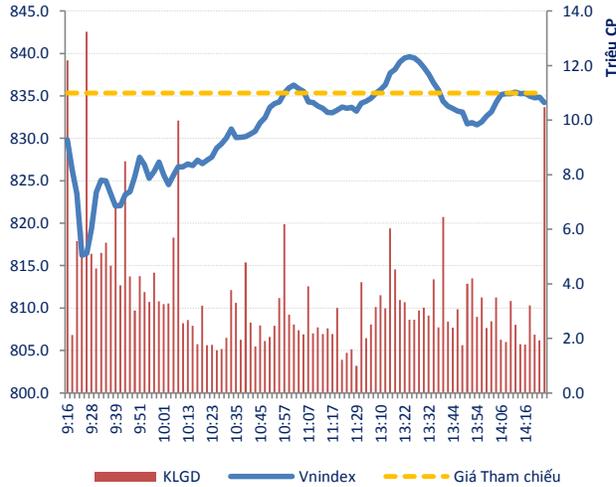
Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,43 USD tương ứng 1,67% xuống 25,35 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ giảm điểm

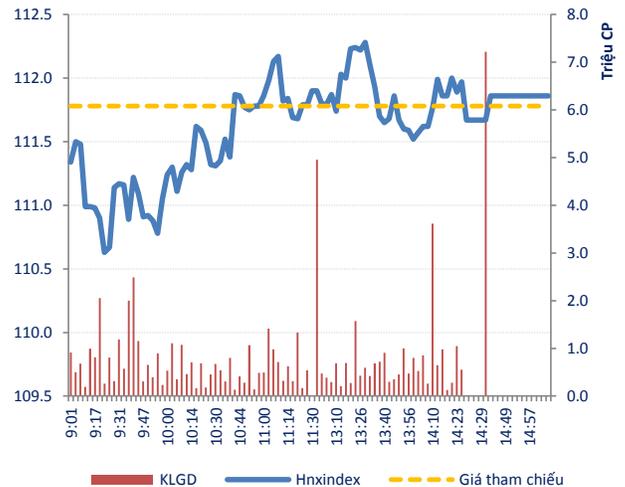
Kết thúc phiên giao dịch ngày 12/5, chỉ số Dow Jones giảm 457,21 điểm tương ứng 1,89% xuống 23.764,78 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 189,79 điểm tương ứng 2,06% xuống 9.002,55 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 60,2 điểm tương ứng 2,05% xuống 2.870,12 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



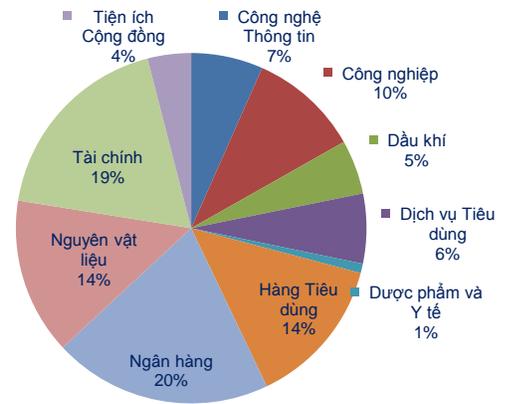
KLGD và HNX-Index trong phiên



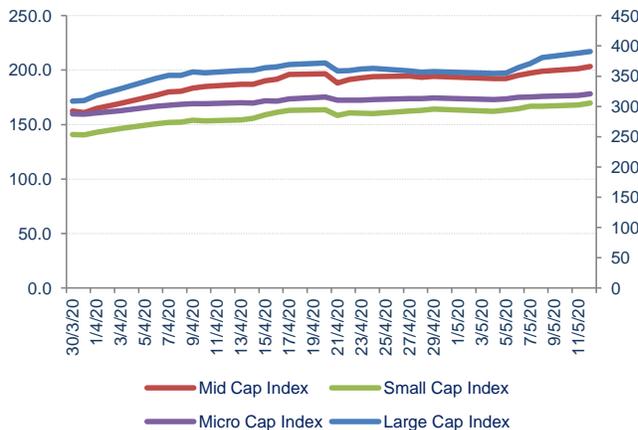
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



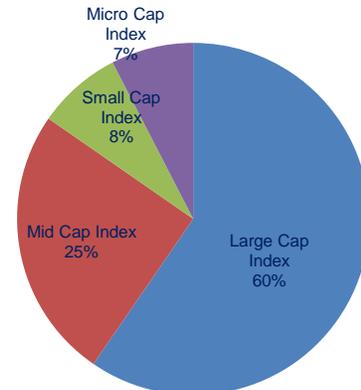
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|-------|-------------|
| 1 | FUEVFNVD | 6,306,825 | TTF | 2,936,170 |
| 2 | VPB | 1,699,330 | VRE | 1,514,710 |
| 3 | VCB | 1,071,060 | VIC | 1,298,050 |
| 4 | VNM | 899,744 | POW | 1,255,180 |
| 5 | MBB | 594,190 | HSG | 1,250,960 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | SĐT | 18,900 | HUT | 4,679,700 |
| 2 | KLF | 5,300 | SHS | 354,300 |
| 3 | SLS | 3,500 | NRC | 151,500 |
| 4 | HCC | 2,900 | PVS | 137,545 |
| 5 | IDC | 2,500 | VIT | 73,900 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| STB | 9.70 | 9.96 | ↑ 2.68% | 20,122,960 |
| ITA | 2.61 | 2.71 | ↑ 3.83% | 12,362,290 |
| HSG | 8.44 | 9.03 | ↑ 6.99% | 12,123,850 |
| ROS | 3.45 | 3.37 | ↓ -2.32% | 11,709,930 |
| MBB | 17.20 | 17.50 | ↑ 1.74% | 11,035,970 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HUT | 1.80 | 1.90 | ↑ 5.56% | 12,791,116 |
| ACB | 21.80 | 21.70 | ↓ -0.46% | 7,223,900 |
| PVS | 12.90 | 13.00 | ↑ 0.78% | 6,906,774 |
| KLF | 1.90 | 1.90 | → 0.00% | 4,884,244 |
| ART | 2.60 | 2.80 | ↑ 7.69% | 3,693,863 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| HSG | 8.44 | 9.03 | 0.59 | ↑ 6.99% |
| TPB | 20.05 | 21.45 | 1.40 | ↑ 6.98% |
| FDC | 9.77 | 10.45 | 0.68 | ↑ 6.96% |
| TLH | 3.02 | 3.23 | 0.21 | ↑ 6.95% |
| HBC | 8.06 | 8.62 | 0.56 | ↑ 6.95% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| KVC | 0.80 | 0.90 | 0.10 | ↑ 12.50% |
| HHG | 1.00 | 1.10 | 0.10 | ↑ 10.00% |
| CKV | 13.20 | 14.50 | 1.30 | ↑ 9.85% |
| SD2 | 5.10 | 5.60 | 0.50 | ↑ 9.80% |
| TMC | 10.20 | 11.20 | 1.00 | ↑ 9.80% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| BTT | 45.00 | 41.85 | -3.15 | ↓ -7.00% |
| PTC | 8.30 | 7.72 | -0.58 | ↓ -6.99% |
| DTA | 4.59 | 4.27 | -0.32 | ↓ -6.97% |
| TCR | 3.61 | 3.36 | -0.25 | ↓ -6.93% |
| HRC | 40.00 | 37.25 | -2.75 | ↓ -6.88% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| HKB | 0.70 | 0.60 | -0.10 | ↓ -14.29% |
| VXB | 8.00 | 7.20 | -0.80 | ↓ -10.00% |
| PVX | 1.00 | 0.90 | -0.10 | ↓ -10.00% |
| SGC | 70.90 | 63.90 | -7.00 | ↓ -9.87% |
| SMT | 15.50 | 14.00 | -1.50 | ↓ -9.68% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| STB | 20,122,960 | 9.0% | 1,329 | 7.5 | 0.7 |
| ITA | 12,362,290 | 3250.0% | 106 | 25.7 | 0.2 |
| HSG | 12,123,850 | 11.4% | 1,429 | 6.3 | 0.7 |
| ROS | 11,709,930 | 2.6% | 270 | 12.5 | 0.3 |
| MBB | 11,035,970 | 19.6% | 3,334 | 5.2 | 1.0 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| HUT | 12,791,116 | 2.3% | 269 | 7.1 | 0.2 |
| ACB | 7,223,900 | 23.2% | 3,770 | 5.8 | 1.2 |
| PVS | 6,906,774 | 3.7% | 990 | 13.1 | 0.5 |
| KLF | 4,884,244 | 1.3% | 135 | 14.0 | 0.2 |
| ART | 3,693,863 | 3.6% | 409 | 6.8 | 0.2 |

Top Độ biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|-----|-----|
| HSG | ↑ 7.0% | 11.4% | 1,429 | 6.3 | 0.7 |
| TPB | ↑ 7.0% | 25.7% | 3,833 | 5.6 | 1.3 |
| FDC | ↑ 7.0% | 11.4% | 1,801 | 5.8 | 0.7 |
| TLH | ↑ 7.0% | -11.0% | (1,680) | - | 0.2 |
| HBC | ↑ 6.9% | 8.7% | 1,449 | 5.9 | 0.5 |

Top Độ biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| KVC | ↑ 12.5% | -1.5% | (167) | - | 0.1 |
| HHG | ↑ 10.0% | -3.9% | (395) | - | 0.1 |
| CKV | ↑ 9.8% | 5.7% | 1,210 | 12.0 | 0.7 |
| SD2 | ↑ 9.8% | -12.6% | (1,660) | - | 0.4 |
| TMC | ↑ 9.8% | 10.8% | 1,698 | 6.6 | 0.7 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-------|-----------|-------|-------|------|-----|
| UEVFN | 6,306,825 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| VPB | 1,699,330 | 22.1% | 3,749 | 6.4 | 1.3 |
| VCB | 1,071,060 | 21.9% | 4,849 | 15.6 | 3.3 |
| VNM | 899,744 | 35.6% | 6,063 | 18.8 | 6.1 |
| MBB | 594,190 | 19.6% | 3,334 | 5.2 | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| SDT | 18,900 | -0.2% | (41) | - | 0.1 |
| KLF | 5,300 | 1.3% | 135 | 14.0 | 0.2 |
| SLS | 3,500 | 16.4% | 8,480 | 5.9 | 1.0 |
| HCC | 2,900 | 12.7% | 1,707 | 6.2 | 0.8 |
| IDC | 2,500 | 9.5% | 1,330 | 12.8 | 1.2 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 321,331 | 5.6% | 2,023 | 47.0 | 2.6 |
| VCB | 280,391 | 21.9% | 4,849 | 15.6 | 3.3 |
| VHM | 234,871 | 39.5% | 7,688 | 9.3 | 3.2 |
| VNM | 197,995 | 35.6% | 6,063 | 18.8 | 6.1 |
| BID | 159,272 | 11.6% | 2,158 | 18.4 | 2.0 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 36,081 | 23.2% | 3,770 | 5.8 | 1.2 |
| SHB | 30,367 | 13.8% | 1,704 | 10.2 | 1.4 |
| VCG | 11,175 | 8.5% | 1,506 | 16.8 | 1.5 |
| VCS | 10,476 | 44.7% | 9,481 | 7.1 | 3.1 |
| PVI | 6,795 | 8.2% | 2,602 | 11.7 | 0.9 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| TCH | 2.04 | 13.5% | 1,742 | 13.2 | 1.7 |
| PXS | 1.79 | -51.5% | (3,831) | - | 0.8 |
| PVT | 1.79 | 10.8% | 2,140 | 5.1 | 0.5 |
| FRT | 1.77 | 14.4% | 2,365 | 9.2 | 1.3 |
| PVD | 1.76 | 2.1% | 713 | 14.9 | 0.3 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| MBG | 3.86 | 7.0% | 703 | 11.8 | 0.8 |
| BII | 2.86 | -4.9% | (510) | - | 0.1 |
| PVB | 2.50 | 23.5% | 4,573 | 3.2 | 0.6 |
| QNC | 2.29 | 92.1% | 2,454 | 1.6 | 1.0 |
| SHS | 2.22 | 9.1% | 1,159 | 7.9 | 0.7 |



Website: www.shs.com.vn

Chiu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiển
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

TRỤ SỞ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

CHI NHÁNH TP.HCM

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
